

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh tại tỉnh Bình Dương: Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại tỉnh Đồng Nai: Số 1A Lô F2, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh tại tỉnh Đồng Tháp: Số 35A Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	
Ông Đặng Thành Duy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Công Luận	Thành viên độc lập	
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Đặng Phước Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Phượng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Thành Duy

Bà Đặng Thị Lan Phương, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Đặng Thành Duy ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11658649/67726768/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2759-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 32)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		395.770.686.485	549.222.011.937
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	98.235.505.846	121.322.977.371
111	1. Tiền		24.235.505.846	47.110.610.641
112	2. Các khoản tương đương tiền		74.000.000.000	74.212.366.730
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		171.972.557.034	281.363.307.666
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	171.972.557.034	281.363.307.666
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		96.681.229.817	128.495.782.880
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	83.343.586.013	109.258.138.868
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.107.851.232	1.150.774.413
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	14.379.112.576	19.590.307.400
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(2.149.320.004)	(1.503.437.801)
140	IV. Hàng tồn kho		9.093.861.880	8.713.538.330
141	1. Hàng tồn kho	9	9.093.861.880	8.713.538.330
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.787.531.908	9.326.405.690
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	14.784.916.974	9.174.021.511
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	4.964.133.606	114.825.920
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	38.481.328	37.558.259
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.459.432.991.380	1.103.825.298.873
210	I. Khoản phải thu dài hạn		3.092.060.000	1.377.412.250
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	1.294.600.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.797.460.000	1.377.412.250
220	II. Tài sản cố định		1.411.442.731.169	1.051.009.709.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.214.102.115.364	783.446.836.982
222	Nguyên giá		1.746.013.596.522	1.644.270.898.635
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(531.911.481.158)	(860.824.061.653)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	197.069.357.746	267.329.225.742
225	Nguyên giá		262.015.545.356	337.128.272.656
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.946.187.610)	(69.799.046.914)
227	3. Tài sản cố định vô hình		271.258.059	233.646.952
228	Nguyên giá		2.414.221.000	2.264.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.142.962.941)	(2.030.574.048)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	4.601.954.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	4.601.954.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		10.000.000	20.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	10.000.000	20.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		44.888.200.211	46.816.222.402
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	44.888.200.211	46.816.222.402
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.855.203.677.865	1.653.047.310.810

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 32)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		705.620.216.581	485.123.022.691
310	I. Nợ ngắn hạn		260.481.051.645	177.465.070.994
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	13.127.429.001	18.604.734.114
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		280.613.652	238.269.269
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.262.077.490	10.033.823.704
314	4. Phải trả người lao động		8.835.606.495	9.164.391.899
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.554.227.258	12.064.295.522
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	1.727.310.588	1.949.465.248
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	31.545.215.671	28.579.145.204
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	195.049.345.332	96.661.719.876
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		99.226.158	169.226.158
330	II. Nợ dài hạn		445.139.164.936	307.657.951.697
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	83.251.784.363	111.309.613.840
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	358.671.810.073	192.926.221.840
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	3.215.570.500	3.422.116.017
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.149.583.461.284	1.167.924.288.119
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.149.583.461.284	1.167.924.288.119
411	1. Vốn cổ phần	20.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	20.1	268.688.372.802	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	114.746.128.024	133.106.539.266
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		31.317.751.266	7.974.509.091
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		83.428.376.758	125.132.030.175
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	627.777.348	608.192.941
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.855.203.677.865	1.653.047.310.810

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.002.138.179.707	1.218.799.728.959
11	2. Giá vốn về bán hàng và dịch vụ cung cấp	23, 27	(815.713.473.905)	(963.185.815.068)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		186.424.705.802	255.613.913.891
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	14.721.555.758	36.023.991.610
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(25.640.282.231) (25.582.542.131)	(25.355.128.141) (25.324.867.485)
25	6. Chi phí bán hàng	25, 27	(74.933.617.320)	(73.167.413.574)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 27	(82.879.118.094)	(85.747.343.490)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.693.243.915	107.368.020.296
31	9. Thu nhập khác	26	72.352.804.938	46.856.094.019
32	10. Chi phí khác	26	(4.376.526.215)	(2.991.953.078)
40	11. Lợi nhuận khác	26	67.976.278.723	43.864.140.941
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		85.669.522.638	151.232.161.237
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(1.597.561.473)	(27.581.239)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.071.961.165	151.204.579.998
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		84.052.376.758	150.758.856.853
62	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	19.584.407	445.723.145
70	17. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	30	1.229	2.212
71	18. Lợi nhuận suy giảm trên cổ phiếu	30	1.229	2.212

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		85.669.522.638	151.232.161.237
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	27	217.877.725.587	232.688.306.732
03	Dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		439.336.686	(104.615.092)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.389.281.206)	(52.781.277.391)
06	Chi phí lãi vay	24	25.582.542.131	25.324.867.485
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		277.179.845.836	356.359.442.971
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		8.943.710.921	(4.418.610.987)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(380.323.550)	20.511.335
11	Tăng các khoản phải trả		(45.742.201.807)	(13.272.344.200)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.682.873.272)	4.311.312.515
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.585.282.079)	(25.152.237.025)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(27.581.239)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(70.000.000)	(12.429.782)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		210.662.876.049	317.808.063.588
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(742.663.427.911)	(182.417.227.192)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		219.134.212.932	93.814.895.264
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(390.599.249.368)	(686.242.321.366)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		500.000.000.000	750.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.920.000.000)
27	Lãi tiền gửi nhận được		17.956.064.084	39.101.578.683
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(396.172.400.263)	7.136.925.389
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19.3	390.844.100.000	61.831.940.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	19.3	(84.384.109.019)	(44.682.992.162)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	19.3	(42.326.777.292)	(58.026.148.822)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(101.711.161.000)	(359.513.891.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		162.422.052.689	(400.391.092.184)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(23.087.471.525)	(75.446.103.207)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		121.322.977.371	196.769.080.578
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	98.235.505.846	121.322.977.371

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh tại tỉnh Bình Dương: Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại tỉnh Đồng Nai: Số 1A Lô F2, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh tại tỉnh Đồng Tháp: Số 35A Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.549 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.847).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (“ADX”)	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	99%	99%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.15 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.17 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hàng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.752.588.673	33.202.000.697
Tiền gửi ngân hàng	19.482.917.173	13.901.288.944
Tiền đang chuyển	-	7.321.000
Các khoản tương đương tiền (*)	74.000.000.000	74.212.366.730
TỔNG CỘNG	98.235.505.846	121.322.977.371

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 4,5%/năm (31 tháng 12 năm 2023: 2%/năm đến 6%/năm).

5. NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,2% - 6,3%/năm (31 tháng 12 năm 2023: 4,2% - 8,3%/năm).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Đà Nẵng có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm (31 tháng 12 năm 2023: 5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	83.343.586.013	109.258.138.868
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	67.685.377.312	74.124.800.186
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	7.819.609.495	21.308.671.510
Phải thu tiền khách vãng lai	2.633.430.246	7.871.924.430
Khác	5.205.168.960	5.952.742.742
Dài hạn	1.294.600.000	-
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	1.294.600.000	-
TỔNG CỘNG	84.638.186.013	109.258.138.868
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(597.581.716)	(553.742.424)
GIÁ TRỊ THUẦN	84.040.604.297	108.704.396.444

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	553.742.424	1.636.822.174
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	75.871.689	236.935.410
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(32.032.397)	(1.320.015.160)
Số cuối năm	597.581.716	553.742.424

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	506.049.641	336.207.186
Khác	601.801.591	814.567.227
TỔNG CỘNG	1.107.851.232	1.150.774.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	14.379.112.576	19.590.307.400
Tạm ứng cho nhân viên	2.693.842.826	3.267.365.304
Lãi tiền gửi	2.193.551.700	5.509.171.119
Ký quỹ, ký cược	1.774.608.875	1.950.160.000
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	1.383.272.725	1.532.780.796
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	1.378.243.077	2.380.884.211
Khác	4.955.593.373	4.949.945.970
Dài hạn	1.797.460.000	1.377.412.250
Ký quỹ, ký cược	1.797.460.000	1.377.412.250
TỔNG CỘNG	16.176.572.576	20.967.719.650
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.551.738.288)	(949.695.377)
GIÁ TRỊ THUẦN	14.624.834.288	20.018.024.273

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	949.695.377	3.220.645.811
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	612.591.732	75.595.944
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.548.821)	(2.346.546.378)
Số cuối năm	1.551.738.288	949.695.377

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	10.097.783.357	1.630.082.508.199	4.090.607.079	1.644.270.898.635
Mua mới trong năm	40.000.000	747.325.092.456	-	747.365.092.456
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh số 11)	-	75.112.727.300	-	75.112.727.300
Thanh lý	-	(720.735.121.869)	-	(720.735.121.869)
Số cuối năm	<u>10.137.783.357</u>	<u>1.731.785.206.086</u>	<u>4.090.607.079</u>	<u>1.746.013.596.522</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	8.035.792.448	59.151.899.981	4.090.607.079	71.278.299.508
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	8.322.760.378	848.410.694.196	4.090.607.079	860.824.061.653
Khấu hao trong năm	698.011.315	180.823.502.701	-	181.521.514.016
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh số 11)	-	41.096.681.982	-	41.096.681.982
Thanh lý	-	(551.530.776.493)	-	(551.530.776.493)
Số cuối năm	<u>9.020.771.693</u>	<u>518.800.102.386</u>	<u>4.090.607.079</u>	<u>531.911.481.158</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>1.775.022.979</u>	<u>781.671.814.003</u>	<u>-</u>	<u>783.446.836.982</u>
Số cuối năm	<u>1.117.011.664</u>	<u>1.212.985.103.700</u>	<u>-</u>	<u>1.214.102.115.364</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.1)</i>	-	883.688.115.572	-	883.688.115.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

		VND
		<i>Phương tiện vận tải</i>
Nguyên giá:		
Số đầu năm		337.128.272.656
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 10</i>)		<u>(75.112.727.300)</u>
Số cuối năm		<u>262.015.545.356</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm		69.799.046.914
Khấu hao trong năm		36.243.822.678
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 10</i>)		<u>(41.096.681.982)</u>
Số cuối năm		<u>64.946.187.610</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>267.329.225.742</u>
Số cuối năm		<u>197.069.357.746</u>

Nhóm Công ty thuê phương tiện vận tải hiện đang được sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Theo các hợp đồng thuê tài chính, Nhóm Công ty có thể mua lại phương tiện vận tải tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 19.2.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		14.784.916.974	9.174.021.511
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự		10.632.466.770	6.218.927.414
Phí bảo trì đường bộ		2.541.002.997	1.553.140.798
Khác		1.611.447.207	1.401.953.299
Dài hạn		44.888.200.211	46.816.222.402
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)		43.275.599.728	44.586.981.544
Công cụ, dụng cụ		1.399.310.360	1.948.492.264
Khác		<u>213.290.123</u>	<u>280.748.594</u>
TỔNG CỘNG		<u>59.673.117.185</u>	<u>55.990.243.913</u>

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Nhóm Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	3.936.981.226	5.338.296.908
Nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe	2.249.793.225	1.194.823.287
Nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị	1.280.735.179	1.450.924.648
Nhà cung cấp xăng	877.163.451	3.621.580.869
Nhà cung cấp khác trong nước	4.782.755.920	6.999.108.402
TỔNG CỘNG	13.127.429.001	18.604.734.114

14. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	114.825.920	8.138.101.042	(3.288.793.356)	4.964.133.606
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.558.259	-	-	37.558.259
Thuế thu nhập cá nhân	-	138.024.740	(137.101.671)	923.069
TỔNG CỘNG	152.384.179	8.276.125.782	(3.425.895.027)	5.002.614.934
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.597.561.473	-	1.597.561.473
Thuế thu nhập cá nhân	649.322.998	5.028.285.668	(5.221.522.629)	456.086.037
Thuế giá trị gia tăng	9.384.500.706	42.055.993.152	(51.232.063.878)	208.429.980
Thuế khác	-	18.000.000	(18.000.000)	-
TỔNG CỘNG	10.033.823.704	48.699.840.293	(56.471.586.507)	2.262.077.490

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng và phúc lợi của nhân viên	6.448.243.638	11.383.065.901
Khác	1.105.983.620	681.229.621
TỔNG CỘNG	7.554.227.258	12.064.295.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	139.889.888	488.270.280
Khác	1.587.420.700	1.461.194.968
TỔNG CỘNG	1.727.310.588	1.949.465.248

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	21.377.231.665	9.961.858.136
Chia sẻ lợi nhuận cho bên cho thuê	3.712.000.000	3.088.000.000
Chi phí lãi vay	987.974.000	990.713.948
Bảo hiểm vật chất xe	735.376.839	2.394.574.861
Cổ tức phải trả	631.715.900	554.088.900
Khác	4.100.917.267	11.589.909.359
TỔNG CỘNG	31.545.215.671	28.579.145.204

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 32)
Nhận ký quỹ từ khách hàng	49.574.025.332	51.028.121.686
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	32.885.759.031	59.489.492.154
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	792.000.000	792.000.000
TỔNG CỘNG	83.251.784.363	111.309.613.840

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	195.049.345.332	96.661.719.876
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	152.722.568.040	54.334.942.584
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	42.326.777.292	42.326.777.292
Dài hạn	358.671.810.073	192.926.221.840
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	315.319.588.467	107.247.222.942
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 19.2)	43.352.221.606	85.678.998.898
TỔNG CỘNG	553.721.155.405	289.587.941.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi với chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 10)
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
Khoản vay số 1	310.224.116.153	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 26 tháng 10 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 3,3%	927 xe
Khoản vay số 2	9.621.472.908	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028	Lãi suất cơ bản + biên độ lãi suất trong năm	39 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam				
Khoản vay số 1	89.590.610.000	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2025 đến ngày 13 tháng 6 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 3,5%	266 xe
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam				
Khoản vay số 1	58.605.957.446	Từ ngày 21 tháng 1 năm 2025 đến ngày 21 tháng 10 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 1,5%	120 xe
TỔNG CỘNG	<u>468.042.156.507</u>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	152.722.568.040			
Vay dài hạn	315.319.588.467			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Dưới 1 năm	47.331.650.194	5.004.872.902	42.326.777.292	51.534.063.829	9.207.286.537	42.326.777.292	
Từ 1 - 5 năm	45.218.968.528	1.866.746.922	43.352.221.606	93.367.026.770	7.688.027.872	85.678.998.898	
TỔNG CỘNG	92.550.618.722	6.871.619.824	85.678.998.898	144.901.090.599	16.895.314.409	128.005.776.190	

19.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm				VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Vay trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	161.582.165.526	390.844.100.000	(84.384.109.019)	468.042.156.507				
Nợ thuê tài chính	128.005.776.190	-	(42.326.777.292)	85.678.998.898				
TỔNG CỘNG	289.587.941.716	390.844.100.000	(126.710.886.311)	553.721.155.405				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	345.502.171.920	1.379.711.727.832
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	150.758.856.853	150.758.856.853
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(359.653.717.600)	(359.653.717.600)
Tăng tỷ lệ sở hữu vào công ty con	-	-	-	(2.876.771.907)	(2.876.771.907)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>268.688.372.802</u>	<u>133.106.539.266</u>	<u>1.167.316.095.178</u>
Năm nay					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	133.106.539.266	1.167.316.095.178
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	84.052.376.758	84.052.376.758
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(101.788.788.000)	(101.788.788.000)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>268.688.372.802</u>	<u>114.746.128.024</u>	<u>1.148.955.683.936</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>678.591.920.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (*)	101.788.788.000	359.653.717.600
Cổ tức đã trả bằng tiền	101.711.161.000	359.513.891.200

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 24 tháng 4 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi cổ tức năm 2024 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 101.788.788.000 VND.

20.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ đã góp	400.000.000	400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>227.777.348</u>	<u>208.192.941</u>
TỔNG CỘNG	<u>627.777.348</u>	<u>608.192.941</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	608.192.941	5.205.697.889
Lợi nhuận thuần trong năm	19.584.407	445.723.145
Giảm tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	(5.043.228.093)
Số cuối năm	<u>627.777.348</u>	<u>608.192.941</u>

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	983.644.559.082	1.191.435.951.555
Khác	18.493.620.625	27.363.777.404
TỔNG CỘNG	<u>1.002.138.179.707</u>	<u>1.218.799.728.959</u>

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.640.444.665	35.976.284.012
Khác	81.111.093	47.707.598
TỔNG CỘNG	<u>14.721.555.758</u>	<u>36.023.991.610</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	799.066.577.633	938.699.968.486
Khác	16.646.896.272	24.485.846.582
TỔNG CỘNG	<u>815.713.473.905</u>	<u>963.185.815.068</u>

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.582.542.131	25.324.867.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.740.100	30.260.656
TỔNG CỘNG	25.640.282.231	25.355.128.141

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	74.933.617.320	73.167.413.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.640.314.528	38.857.383.217
Chi phí nhân viên	33.023.211.659	32.448.668.395
Khác	2.270.091.133	1.861.361.962
Chi phí quản lý doanh nghiệp	82.879.118.094	85.747.343.490
Chi phí nhân viên	40.178.657.346	43.363.666.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.841.510.635	31.642.395.473
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.527.697.989	2.054.382.938
Khác	8.331.252.124	8.686.898.884
TỔNG CỘNG	157.812.735.414	158.914.757.064

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	72.352.804.938	46.856.094.019
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	37.748.837.744	16.804.993.379
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	22.857.904.200	24.056.131.998
Khác	11.746.062.994	5.994.968.642
Chi phí khác	(4.376.526.215)	(2.991.953.078)
Chi phí quảng cáo trên taxi	(2.491.940.000)	(2.713.088.000)
Khác	(1.884.586.215)	(278.865.078)
LỢI NHUẬN KHÁC	67.976.278.723	43.864.140.941

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	365.983.863.140	460.630.779.917
Chi phí nhân viên	259.508.194.538	294.758.336.744
Chi phí khấu hao và hao mòn	217.877.725.587	232.688.306.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.481.492.387	96.464.901.276
Khác	31.674.933.667	37.558.247.463
TỔNG CỘNG	973.526.209.319	1.122.100.572.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.597.561.473	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	27.581.239
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.597.561.473	27.581.239

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.669.522.638	151.232.161.23
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	17.133.904.528	30.246.432.247
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.248.254.728	1.306.447.328
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	27.581.239
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho khoản chênh lệch tạm thời	(105.038.103)	(60.494.717)
Sử dụng lỗ năm trước chuyển sang	(16.679.559.680)	(31.492.384.858)
Chi phí thuế TNDN	1.597.561.473	27.581.239

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Lỗi chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm 5 (năm) liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 46.336.542.959 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 129.734.341.360 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2020	2025	197.925.853.911	(189.360.256.887)	- 8.565.597.024
2021	2026	271.702.673.490	(233.931.727.555)	- 37.770.945.935
TỔNG CỘNG		469.628.527.401	(423.291.984.442)	- 46.336.542.959

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau (Thuyết minh số 28.3)	46.336.542.959	129.734.341.360
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.215.570.500	3.422.116.017
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	1.096.755.000	1.415.400.000
TỔNG CỘNG	50.648.868.459	134.571.857.377

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đặng Phước Thành	Cổ đông lớn
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ đông lớn
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông lớn
Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Chị Phạm Kim Liên	Cổ đông lớn

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Đặng Phước Thành	Cổ tức công bố	25.361.832.000	89.611.806.400
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ tức công bố	12.900.135.000	45.580.477.000
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ tức công bố	12.120.885.000	42.827.127.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ tức công bố	8.055.450.000	28.462.590.000
Ông Đặng Thành Duy	Cổ tức công bố	5.085.030.000	17.967.106.000
Chị Phạm Kim Liên	Cổ tức công bố	4.935.966.000	15.850.413.200
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ tức công bố	138.600.000	189.780.000

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Ông Đặng Thành Duy (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	930.302.000	1.101.840.000
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	842.590.000	1.001.600.000
Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	603.280.000	591.280.000
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	567.280.000	581.280.000
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	548.360.000	561.360.000
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	531.560.000	544.560.000
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	453.560.000	423.120.000
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	418.760.000	431.760.000
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	418.760.000	431.760.000
Ông Đặng Hoàng Sang	Kế toán trưởng	385.040.000	439.040.000
Ông Đặng Phước Thành (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)	Thành viên HĐQT	216.960.000	566.880.000
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phượng	Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Quang Vinh	Tổng giám đốc ADX	-	115.941.000
		6.552.452.000	7.426.421.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.052.376.758	150.758.856.853
Điều chỉnh giảm khác	<u>(624.000.000)</u>	<u>(624.000.000)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	83.428.376.758	150.134.856.853
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>67.859.192</u>	<u>67.859.192</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND) <i>Lãi cơ bản và suy giảm</i>	<i>1.229</i>	<i>2.212</i>

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.305.424.520	3.193.285.140
Từ 1 đến 5 năm	<u>1.189.666.664</u>	<u>2.528.691.184</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.495.091.184</u>	<u>5.721.976.324</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê tòa nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 - 5 năm	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 5 năm	<u>2.880.000.000</u>	<u>5.760.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.160.000.000</u>	<u>23.040.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được phân loại lại cho phù hợp với bản chất của các nghiệp vụ. Chi tiết như sau:

			VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Đã phân loại lại)

Bảng cân đối kế toán

Phải trả dài hạn khác	114.731.729.857	(3.422.116.017)	111.309.613.840
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.422.116.017	3.422.116.017

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

			VND
	Nợ khó đòi đã xử lý (*)	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải thu từ lái xe nghỉ việc	2.245.995.108	2.245.995.108
	Phải thu từ các khách hàng	1.185.271.750	1.185.271.750
	TỔNG CỘNG	<u>3.431.266.858</u>	<u>3.431.266.858</u>

(*) Nhóm Công ty đã xóa sổ các khoản phải thu quá hạn đã tính dự phòng 100% trên 3 năm.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn